

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỘC BÌNH  
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2020/DS-ST

Ngày 08-9-2020

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất và  
tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi  
thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu  
khôi phục lại nguyên trạng đất và hủy  
một phần Giấy chứng nhận quyền sử  
dụng đất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Văn Pé

Ông Lý Quang Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thúy Huyền - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Phương Thị Tiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 28/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2020, thụ lý bổ sung số 03/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản, yêu cầu khôi phục lại nguyên trạng đất và hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2020/QĐXX-ST ngày 18 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Nông Văn C; cư trú tại: Số 106, Khu H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:** Bà Triệu Thị Kim L - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Lộc Văn N; cư trú tại: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

*- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nông Thị K; vắng mặt.

2. Bà Hoàng Thị T; vắng mặt.

3. Bà Lành Thị T; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Bà Nông Thị B; cư trú tại: Thôn B, xã H, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

5. Ông Nông Văn T; vắng mặt

6. Anh Nông Quốc T1; có mặt.

Đều cư trú tại: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

7. Bà Nông Thị K; cư trú tại: Khu 10, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Hoàng Thị T, bà Nông Thị K, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T, bà Nông Thị K: Ông Nông Quốc T1; cư trú tại: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 30-6-2020).*

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lành Thị T: Ông Nông Quốc T1; cư trú tại: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 19-8-2020).*

8. Bà La Thị N; có mặt.

9. Anh Lộc Văn D; vắng mặt.

10. Chị Lộc Thị H; có mặt

Đều cư trú tại: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

11. Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (viết tắt là UBND thị trấn L). Người đại diện theo ủy quyền: Bà Mạc Thị Kim O - Công chức địa chính - Đô thị - Xây dựng - Môi trường UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền ngày 05-8-2020); vắng mặt.

12. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Xuân M; phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng Sơn (văn bản ủy quyền số 4899/QĐ-UBND ngày 07-8-2020); vắng mặt.

*- Người làm chứng:*

1. Anh Lộc Văn V; vắng mặt

2. Ông Nông Văn H; có mặt.

Đều cư trú tại: Thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09-3-2020, đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 26-5-2020, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn ông Nông Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp đất đai và tài sản gắn liền với đất, yêu cầu khôi phục lại nguyên trạng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản giữa ông và ông Lộc văn N, cụ thể diện tích đất tranh chấp là 123,6m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, trên đất tranh chấp có 01 cây tre đã ra lá cành, 02 cây thông mới (tự mọc). Thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có diện tích 1.070m<sup>2</sup> do ông khai phá, canh tác, quản lý liên tục từ năm 1970. Đến ngày 19/01/2009 ông làm đơn xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 ngày 20/6/2011 cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T. Gia đình ông đã quản lý, sử dụng đất và chăm sóc cây nhiều năm không có tranh chấp với ai. Đến tháng 17/12/2019 thì mới xảy ra tranh chấp với bị đơn ông Lộc Văn N, do ông Lộc Văn N tự ý đào suối mới chảy qua giữa đất của ông, chia đất của ông làm hai mảnh và đốt 04 cây thông của ông. Nay ông Nông Văn C yêu cầu được quyền quản lý sử dụng 123,6m<sup>2</sup> đất và sở hữu tài sản (cây thông và tre) gắn liền với đất và không đề nghị giám định tuổi cây, ông đề nghị ông Lộc văn N phải thanh toán chi phí khôi phục đất cho ông là 12.000.000 đồng, ông rút yêu cầu ông Lộc văn N phải bồi thường 04 cây thông bị chết cháy. Ông không chấp nhận yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011 đối với diện tích 123,6m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ông yêu cầu giải quyết chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với tổng số tiền là 14.138.000 đồng mà ông đã nộp tạm ứng theo quy định, đồng thời miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông do ông là người cao tuổi theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình tiến hành tố tụng bị đơn ông Lộc Văn N trình bày: Đất tranh chấp có diện tích 123,6m<sup>2</sup> có nguồn gốc do ông cụ để lại cho bố ông, bố ông để lại cho ông quản lý, sử dụng. Bố ông đã chết từ năm 2006, bố ông để lại cho ông quản lý, sử dụng khoảng năm 1974-1975, ông đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông cho rằng đất tranh chấp là đất ruộng. Nay kết quả thẩm định xác định diện tích đất tranh chấp thuộc một phần thửa 389 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ông cũng nhất trí với kết quả đo đạc, tuy nhiên do đây là đất ông cha để lại nên ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn C, ông yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất đang tranh chấp, cây trên đất tre là do cụ của ông trồng ông không biết trồng từ thời gian nào, thông tự mọc ông không đề nghị giám định, ông cũng yêu cầu sở hữu tài sản trên đất, yêu cầu

hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang tranh chấp đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T, ông không nhất trí thanh toán cho ông Nông Văn C 12.000.000 đồng chi phí khôi phục lại nguyên trạng đất. Về chi phí tố tụng ông đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn bà Nông Thị K, bà Hoàng Thị T, bà Lành Thị T, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T, anh Nông Quốc T1, bà Nông Thị K thống nhất với ý kiến của ông Nông Văn C đã đưa ra ở trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn bà La Thị N trình bày: Bà về làm dâu năm 1985, năm 1988 bà được đi đào cho suối chảy thẳng nhưng do đất đá cứng nên không đào nữa, đất này bà khẳng định của ông La Văn Chương, nhưng ông La Văn C đã chết, bà thấy đất đang tranh chấp này bỏ không, không có ai canh tác hay quản lý gì; gia đình bà cũng có ruộng ngay gần diện tích đất đang tranh chấp đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng do ruộng gia đình bà sát với suối Nà Hương nên thường bị sạt lở gia đình bà đã phải làm con suối chảy thẳng, việc làm suối chảy thẳng này là gia đình bà được làm giúp không phải thuê máy xúc. Đất là của ông Lộc Văn N, bà từ chối tham gia tố tụng vì bà không liên quan gì, mọi việc do ông Lộc Văn N quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn anh Lộc văn D từ chối tham gia tố tụng vì cho rằng không liên quan gì đến đất và tài sản trên đất, không biết gì, mọi vấn đề do ông Lộc Văn N quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn chị Lộc Thị H từ chối tham gia tố tụng vì cho rằng không liên quan gì đến đất và tài sản trên đất, không biết gì, mọi vấn đề do ông Lộc Văn N quyết định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Mạc Thị Kim O - Công chức địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn là người đại diện theo ủy quyền của UBND thị trấn L có ý kiến: Suối tự nhiên chảy giáp thửa 389 có tên gọi là Suối Lung Đào (Cung Đào) là do UBND thị trấn L quản lý theo quy định. UBND thị trấn L cùng ý kiến với ông Nông Văn C, yêu cầu ông Lộc Văn N khôi phục lại suối tự nhiên theo quy định của pháp luật, lấp đất vào vị trí cải tạo suối hiện nay và khôi phục số đất hiện nay đã lấp xuống suối tự nhiên. Việc đào lập suối phải thực hiện theo trình tự quy định tại Điều 15 Nghị định 43/2015/ NĐ-CP. Việc san, lấp suối tự nhiên mà không có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở tài nguyên và Môi trường bị xử phạt theo điểm b khoản 3 Điều 25 Nghị định 33/2017/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên và khoáng sản.

Tại bản khai của người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn thể hiện: Việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011 đối với thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là

thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn là hợp pháp, đúng quy trình, thủ tục, đúng đối tượng theo các quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy. Nay xảy ra tranh chấp giữa các bên với diện tích 123,6m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn không chấp nhận yêu cầu của bị đơn yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp bởi không có căn cứ pháp luật.

Bà Triệu Thị Kim L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nông Văn C phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ được thể hiện tại Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011, lời khai của những người làm chứng ông Nông Văn H, anh Lộc Văn V. Căn cứ các quy định của Luật đất đai đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn C, cụ thể: Hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T được quyền quản lý và sử dụng diện tích 123,6m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Buộc ông Lộc Văn N phải thanh toán cho ông Nông Văn C 12.000.000 đồng chi phí khôi phục lại nguyên trạng đất. Bác yêu cầu của ông Lộc Văn N yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 04 cây thông bị chết do ông Nông Văn C rút yêu cầu. Về chi phí tố tụng đề nghị giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thành phần tham gia xét xử tại phiên tòa đúng với thành phần Hội đồng xét xử được ghi trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án như xác định đúng thẩm quyền, đúng tư cách các đương sự .... Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cùng tài liệu chứng cứ được công khai tại phiên tòa như Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông

Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011, lời khai của các đương sự, của những người làm chứng ... thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận. Vì vậy, căn cứ các khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 101, 166, 203 Luật đất đai năm 2013 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T được quyền quản lý và sử dụng diện tích 123,6m<sup>2</sup> đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và được quyền sử hữu toàn bộ tài sản trên đất. Bác yêu cầu của ông Lộc Văn N yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011 đối với phần diện tích đất đang có tranh chấp. Đình chỉ yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với 04 cây thông bị đốt cháy do ông Nông Văn C rút yêu cầu. Buộc ông Lộc Văn N phải thanh toán cho ông Nông Văn C chi phí khôi phục lại đất là 12.000.000 đồng. Đối với án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng khác đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Bùi Xuân M là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bà Mạc Thị Kim O là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Bà Triệu Thị Kim L là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lộc Văn D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và đề nghị giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nông Thị K, bà Hoàng Thị T, bà Lành Thị T, bà Nông Thị B, ông Nông Văn T, bà Nông Thị K đã ủy quyền cho ông Nông Quốc T1 tham gia tố tụng; người làm chứng anh Lộc Văn V đã được triệu tập hợp lệ đề nghị giải quyết vắng mặt và đã có lời khai trực tiếp tại Tòa án. Đây là phiên tòa triệu tập hợp lệ lần 2, bị đơn ông Lộc Văn N vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại Điều 227, 228, 229 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người này theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Đất tranh chấp có địa danh, địa điểm là: Khu đồi N, thuộc thôn P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất tranh chấp trong vụ án là 123,6m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Đất tranh chấp theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Thửa đất 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích 1.070m<sup>2</sup> đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T ngày 20/6/2011.

[3] Ông Nông Văn C cho rằng đất tranh chấp là do ông khai phá, quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1970, không ai có ý kiến tranh chấp gì, đến ngày 19/01/2009 thì ông đi kê khai đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 20/6/2011 thì gia đình ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do phần đất đang tranh chấp là đất đá nên không trồng được cây gì, hiện nay trên phần đất này là đất do ông Lộc Văn N đào mức lên nên có đất và các cây trên đất là cây mọc tự nhiên, mới mọc. Đến ngày 17/12/2019 thì xảy ra tranh chấp do ông Lộc Văn N tự ý đào, mức làm con suối mới qua giữa đất và chia đất làm hai mảnh và tự ý đốt 04 cây thông trên đất của ông mới xảy ra tranh chấp. Ông Lộc Văn N cho rằng đất đang tranh chấp ông cha ông để lại từ 03 đời, ông đã canh tác quản lý liên tục. Đối với vấn đề này Tòa án thấy:

[4] Kết quả đo đạc tại Mảnh trích đo khu đất tranh chấp TĐ46/2020. Hệ tọa độ VN 2000, thôn P (xã L cũ), tờ số 01, của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và Môi trường Sông Tô, chi nhánh Lạng Sơn thì khu đất tranh chấp nằm trong thửa đất số 389, tờ bản đồ 01, bản đồ địa chính thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Diện tích đất tranh chấp là 123,6m<sup>2</sup>. Đất tranh chấp trên nằm trong phần đất đã được Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ cấp GCN: CH00046, cấp ngày 20-6-2011, cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T.

[5] Những người làm chứng trong vụ án ông Nông Văn H và anh Lộc Văn V đều thừa nhận: Đất tranh chấp là của gia đình ông Nông Văn C, gia đình ông Lộc Văn N có ruộng cách đôi của ông Nông Văn C một con suối, con suối này hiện nay ông Lộc Văn N đã lấp đi để tạo thành con suối chảy thẳng qua đất ông Nông Văn C, suối có tên gọi là Nhà Hương, đoạn bị lấp là Nhà Pha Cụng.

[6] Tại Công văn số 149/UBND ngày 25/6/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn khẳng định: Nguồn gốc thửa 389, tờ bản đồ số 01, do hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T quản lý, sử dụng; thời gian đo đạc bản đồ địa chính năm 2009, thửa 389 mang tên ông Nông Văn C và bà Lành Thị T; thời gian thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị trấn không nhận được đơn thư tranh chấp đất đai, trước khi đo đạc bản đồ địa chính vị trí đất này chưa được đo đạc bất kỳ loại bản đồ nào. Tại Công văn số 1010/UBND ngày 03/7/2020 của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn khẳng định: Trước thời điểm cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 389 cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T không nhận được đơn thư hoặc khiếu nại về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T.

[7] Tài sản trên đất tranh chấp có: 01 cây tre đã ra lá cành, 02 cây thông mới mọc (tự mọc), nguyên đơn khai các cây này tự mọc phát tán, bị đơn khai tre là do ông cha trồng nhưng không biết trồng năm nào con thông là tự mọc và các bên đều không yêu cầu giám định tuổi cây nên không thể thực hiện việc giám định được.

[8] Vì những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xác định đất đang tranh chấp là do ông cha của ông Lộc Văn N để lại và cây tre trên đất là do ông cha ông Lộc Văn N trồng như ông Lộc Văn N trình bày; việc Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 389, tờ bản đồ số 01, bản đồ địa chính đất Lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, cấp cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T là đúng đối tượng, đúng trình tự, thủ tục. Nên yêu cầu của ông Nông Văn C đưa ra là có căn cứ được chấp nhận; yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 mà Ủy ban nhân dân huyện L đã cấp ngày 20/6/2011 cho hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T đối với diện tích 123,6m<sup>2</sup> đất mà ông Lộc Văn N đưa ra không được chấp nhận vì không có căn cứ pháp luật.

[9] Đất tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T nên hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T được quyền sử hữu toàn bộ các cây thông, tre trên đất; ông Lộc Văn N có trách nhiệm khắc phục hậu quả khôi phục lại nguyên trạng đất cho hộ ông Nông Văn C cụ thể: Công khôi phục lại suối cũ, công máy xúc 08 tiếng x 500.000 đồng = 4.000.000 đồng, thuê máy xúc đất mới đổ về lấp suối mới 12 tiếng x 500.000 đồng/tiếng = 6.000.000 đồng, thuê xe chở đất lấp suối mới 60m<sup>3</sup> (15 chuyến) x 100.000 đồng/chuyến = 1.500.000 đồng, công đầm 03 tiếng = 500.000 đồng. Tổng cộng công khôi phục lại nguyên trạng đất cho ông Nông Văn C là 12.000.000 đồng, buộc ông Lộc Văn N phải có trách nhiệm thanh toán cho ông Nông Văn C 12.000.000 đồng tiền khôi phục lại nguyên trạng đất.

[10] Ông Nông Văn C rút yêu cầu buộc ông Lộc Văn N phải bồi thường thiệt hại đối với 04 cây thông bị đốt cháy. Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này.

[11] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[12] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn đưa ra là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[13] Về chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 14.138.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng), do yêu cầu khởi kiện của Nông Văn C được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông Lộc Văn N phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng nêu trên theo quy định tại Điều 158, Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nông Văn C đã nộp tạm ứng toàn bộ chi phí tố tụng. Do vậy buộc ông Lộc Văn N phải thanh toán cho ông Nông Văn C số tiền trên.

[14] Về án phí: Ông Lộc Văn N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng sung Ngân sách nhà nước.



[15] Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 189, Điều 221, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; các Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn C**

Hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T được quyền quản lý và sử dụng 123,6m<sup>2</sup> đất rừng sản xuất tại khu đồi N, thôn P, xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 ngày 20/6/2011 mang tên hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T. Diện tích đất được mô tả bằng hình vẽ nối các điểm (đỉnh thửa) A1-A2-A3-A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A1. Thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo bản án, gồm:

1.1.Khu đất có số hiệu (thửa tạm) 389.1, diện tích 79,7m<sup>2</sup> được mô tả bằng hình vẽ nối các điểm (đỉnh thửa) A4-A5-A6-A7-A8-A9-A10-A11-A4. Thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.2.Khu đất có số hiệu (thửa tạm) 389.2, diện tích 43,9m<sup>2</sup> được mô tả bằng hình vẽ nối các điểm (đỉnh thửa) A1-A2-A3-A4-A11-A10-A1. Thể hiện tại Phụ lục đính kèm sơ đồ khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

1.3. Hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T được sở hữu tài sản trên đất tranh chấp gồm: 01 cây tre đã ra lá cành, 02 cây thông mới mọc (tự mọc).

2. Bác yêu cầu của ông Lộc Văn N về việc yêu cầu hủy một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 629694, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận: CH 00046 ngày 20/6/2011 mang tên hộ ông Nông Văn C và bà Lành Thị T đối với diện tích 123,6 m<sup>2</sup> đất thuộc một phần thửa đất số 389 tờ bản đồ số 01 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã L (nay là thị trấn L sau sáp nhập), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Buộc ông Lộc Văn N chấm dứt hành vi tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tranh chấp như trên theo quy định.

4. Buộc ông Lộc Văn N phải khắc phục hậu quả thanh toán tiền công khôi phục lại nguyên trạng đất cho ông Nông Văn C tổng số tiền là 12.000.000 đồng.

5. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nông Văn C đối với yêu cầu ông Lộc Văn N phải bồi thường thiệt hại đối với 04 cây thông bị đốt cháy.

6. Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Lộc Văn N phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 14.138.000 đồng.

Buộc bị đơn ông Lộc Văn N phải có trách nhiệm trả cho nguyên ông Nông Văn C chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản với số tiền là 14.138.000 đồng (mười bốn triệu một trăm ba mươi tám nghìn đồng) mà nguyên đơn đã chi trả.

7. Nghĩa vụ chịu lãi chậm trả:

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án mà người phải thi hành án chậm thi hành án thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

8. Về án phí: Ông Nông Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Lộc Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

9. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- CCTHADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người BVQ&LIHP;
- .....
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tuyết Mai**

